TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 921/2019/HC-PT
Ngày 26 - 12 - 2019
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân

Ông Vũ Ngọc Huynh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 375/2019/TLPT-HC ngày 05 tháng 6 năm 2019.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1693/2018/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1612/2019/QĐPT-HC ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lê Quang X và bà Trần Ngọc T. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: 62 Đường số 9, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Liên hệ: 243/62 H, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Ngô Đức T, luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 18 Đ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Trần Hoàng Q, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Ông Nguyễn Ngọc T, chức vụ: Phó trưởng ban Bồi thường và giải phóng mặt bằng Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bà Nguyễn Hoàng Hạnh N – Chuyên viên Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người kháng cáo: Người bị kiện UBND Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản đối thoại, người khởi kiện là ông Lê Quang X và bà Trần Ngọc T trình bày:

Ông X và bà T kết hôn vào năm 1993 nhưng không có nhà ở nên ngày 20/4/1993 được anh rể là ông Lê Văn Th cho một nền chuồng heo diện tích 4,5m x 14,5m = 65,25m^2 (đất có nguồn gốc do vợ chồng ông Th san lấp ao hoang cạnh nhà dùng làm chuồng heo từ năm 1987), ông bà sửa chữa thành nhà ở để ở, thời điểm đó nhà có chung số 266/53/3 T, Phường 4, Quận 4 với nhà ông Th, về sau nhà ông X được đổi thành số 62 Đường số 9, Phường 4, Quận 4, (theo Quyết định đổi số nhà số 0707/QĐ-QLĐT ngày 25/02/2002 của Phòng Quản lý Đô thị Quận 4) .

Năm 1995, thấy phía sau nhà còn có một ao hoang nước đọng mất vệ sinh nên ông bà san lấp trồng cây và làm nơi chứa vật liệu xây dựng, từ đó nhà đất có diện tích 89,8m^2. Năm 2004 nhà bị hư hỏng không sử dụng được, ông bà xin phép sửa nhà và được Uỷ ban nhân dân (viết tắt UBND) Phường 4 chấp thuận cho sửa nhà trên diện tích cũ với hiện trạng tường gạch, nền gạch men, trần thạch cao, mái tôn. Qúa trình sử dụng nhà đất từ đó đến nay không bị tranh chấp, không bị lập biên bản hoặc bị xử phạt. Năm 2009, ông bà được thông báo về việc nhà sẽ bị giải tỏa để thực hiện Dự án xây dựng trường Mẫu giáo Phường 4, sau đó địa phương có đến đo vẽ hiện trạng.

Ngày 17/9/2009, UBND Quận 4 ban hành Quyết định số 1175/QĐ-UBND-TH về việc thu hồi nhà đất của ông bà với diện tích 89,75m^2, sau đó ban hành Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 bồi thường hỗ trợ số tiền 6.170.000 đồng với lý do nhà đất của ông bà đã bị thu hồi, quản lý theo Quyết định số 60/QĐ-UB ngày 17/10/1995 của UBND Quận 4 (đối với Quyết định số 60/QĐ-UB ngày 17/10/1995 ông bà có biết nhưng không được giao và do thiếu hiểu biết nên không khiếu nại). Sau khi ông Lê Quang X khiếu nại Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011, UBND Quận 4 ban hành Quyết định số 5618/QĐ-UBND-TH ngày 30/12/2011 không chấp nhận khiếu nại. Ông bà tiếp tục khiếu nại đến UBND Thành phố Hồ Chí Minh nhưng Uỷ ban có Quyết định 5009/QĐ-UBND ngày 29/9/2012 không chấp nhận khiếu nại của ông X.

Sau khi ông bà khởi kiện, ngày 29/01/2013 UBND Quận 4 ban hành bổ sung Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 về việc hỗ trợ bổ sung số tiền 446.158.000 đồng trên diện tích 53,96m^2. Đối với cả hai quyết định bồi thường, ông bà không đồng ý vì giá bồi thường thấp không thể tìm nơi ở khác. Theo ông bà, nguồn gốc đất là ao hoang không có ai quản lý, vợ chồng ông Lê Văn Th san lấp sử dụng từ năm 1987, tháng 4/1993 ông Th làm giấy cho ông bà. Qúa trình sử dụng ông bà đã đầu tư công sức, tiền của để tôn tạo nền đất cao lên, xây sửa nhà ở, đã nộp thuế từ năm 1993 và đăng ký kê khai nhà đất năm 1999, như vậy là đã sử dụng ổn định, liên tục, lâu dài trước ngày 15/10/1993. Đối với phần nhà được xây dựng trước ngày 22/4/2002 không bị tranh chấp, không có quyết định xử phạt, do đó nhà đất của ông bà thuộc trường hợp được bồi thường 100% giá trị sau khi trừ đi tiền thuế quyền sử dụng đất theo quy định.

Vì vậy ông bà yêu cầu hủy Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 và Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 của UBND Quận 4 để giải quyết bồi thường 100% về tài sản, cụ thể:

- Bồi thường 100% giá trị phần đất có diện tích 65,25 m^2;

- Bồi thường 100% giá trị phần đất có diện tích 24,43 m^2 sau khi trừ đi tiền thuế quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

- Bồi thường về tài sản trên đất đúng qui định pháp luật.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân Quận 4 có ông Bùi Thanh T- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 4 làm đại diện (có yêu cầu được xét xử vắng mặt), hồ sơ vụ án thể hiện ý kiến trình bày của UBND Quận 4 tại văn bản số 2351/UBND-ĐT ngày 23/7/2018 cùng Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND Quận 4 trình bày:

Nguồn gốc nhà đất của ông Lê Quang X và bà Trần Ngọc T trước đây là ao cá của Phường Đội Phường 4 nhưng từ năm 1987 ao này bị các hộ dân xung quanh lấn chiếm, trong đó có gia đình ông Lê Văn Th. Năm 1993 ông Th cho ông X một phần trong số diện tích ông Th lấn chiếm. Năm 1995 phát hiện việc lấn chiếm đất của ông Th nên UBND Quận 4 đã thanh tra sau đó có Quyết định số 60/QĐ-UB ngày 17/10/1995 thu hồi toàn bộ phần diện tích ông Th lấn chiếm trong đó có cả phần đất ông Th cho ông X, vào thời điểm đó gia đình ông X sử dụng 53,96m^2.

Thực tế diện tích hiện nay là 89,75m^2, toàn bộ diện tích là do ông Th lấn chiếm nên khi thu hồi chỉ làm việc với ông Th và giao quyết định thu hồi cho ông Th. Do nhà đất ông X đã bị thu hồi, quản lý theo Quyết định số 60/QĐ-UB và toàn bộ nhà đất tại địa chỉ 62 đường số 9 nằm trong dự án xây dựng Trường Mẫu giáo Phường 4, Quận 4 nên thuộc trường hợp chỉ được xem xét hỗ trợ di chuyển mà không bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất. Tuy nhiên, sau khi có Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 về việc hỗ trợ số tiền 6.170.000 đồng/diện tích 53,96m^2, ông X và bà T khiếu nại, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản hướng dẫn xem xét hỗ trợ cho ông X bà T về đất là 30%, về xây dựng là 40%. Ngày 29/01/2013, Uỷ ban nhân dân Quận 4 ban hành

Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 hỗ trợ bổ sung 30% giá trị đất và 40% giá trị xây dựng trên diện tích 53,96m^2 cho gia đình ông X, bà T bằng 446.158.000 đồng (đơn giá đất là 25.857.000đồng/m^2).

Quyết định số 60/QĐ-UB ngày 17/10/1995 của UBND Quận 4 là quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong việc quản lý nhà nước về đất đai ở địa phương để thực hiện hành vi lấn chiếm đất công của ông Lê Văn Th (tại thời điểm năm 1995 là Chủ tịch UBND Phường 4) và ông Lê Quang X (tại thời điểm năm 1995 là cán bộ địa chính UBND Phường 4, Quận 4) không phải là Quyết định thu hồi đất hay Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Do vậy, Quyết định số 60/QĐ-UB ngày 17/10/1995 là thực hiện đúng thẩm quyền và hiện còn hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 16 Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và điểm đ khoản 4 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP, trường hợp của ông X và bà T không thuộc diện bồi thường mà chỉ được hỗ trợ (diện tích 53,96m^2) khi nhà nước thu hồi đất.

Vì vậy, đề nghị ông X và bà T chấp nhận mức hỗ trợ nêu trên, nếu không chấp nhận thì đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông X, bà T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013. Riêng Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 đã được bổ sung bằng Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2013/HCST ngày 16/5/2013, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang X và bà Trần Ngọc T. Hủy Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 về việc duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà số 62 Đường số 9, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó hỗ trợ cho gia đình ông X, bà T 6.170.00 đồng và Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 của Uỷ ban nhân dân Quận 4 về việc duyệt bổ sung chi phí hỗ trợ về đất và vật kiến trúc khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà 62 Đường số 9, Phường 4, Quận 4 (thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 08) của ông Lê Quang X trong công trình di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng Trường mẫu giáo Phường 4, Quận 4, theo đó chi phí hỗ trợ bổ sung cho ông X, bà T với tổng số tiền là 446.158.000 đồng (hỗ trợ 30% giá trị đất và 40% giá trị tài sản gắn liền với đất trên diện tích 53,96m^2). Với lý do: Nhà đất số 62 Đường số 9, Phường 4, Quận 4 của ông Lê Quang X và bà Trần Ngọc T thuộc trường hợp được hỗ trợ 30% giá trị đất trên diện tích thực tế 89,75m^2; 40% giá trị tài sản gắn liền với đất trên diện tích thực tế bị thu hồi là 89,75m^2. Đồng thời hộ của ông X, bà T còn được hưởng chính sách hỗ trợ khác do bị thu hồi toàn bộ đất và phải di chuyển nhà đi nơi khác. Gía trị đất và giá trị tài sản trên đất do Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công bố hàng năm, được áp dụng theo bảng giá của năm ban hành quyết định về việc hỗ trợ cho ông Lê Quang X, bà Trần

Ngọc T đối với nhà đất số 62, Đường số 9, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27/5/2013, ông Lê Quang X và bà Trần Ngọc T nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 29/5/2013, UBND Quận 4 nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại bản án hành chính phúc thẩm số 1310/2013/HC-PT ngày 20/9/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xử:

"Bác yêu cầu kháng cáo của ông Lê Quang X và bà Trần Ngọc T.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận 4.

Sửa bản án sơ thẩm, bác khởi kiện của ông Lê Quang X và bà Trần Ngọc T yêu cầu huỷ Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 và Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 của Ủy ban nhân dân Quận 4."

Không đồng ý với kết quả xét xử, ông X bà T tiếp tục khiếu nại.

Quyết định giám đốc thẩm số 24/2017/HC-GĐT ngày 15/12/2017 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

"1/ Hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm số 1310/2013/HC-PT ngày 20/9/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2013/ST-HC ngày 16/5/2013 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo đúng qui định pháp luật."

Tại Bản án số 1683/2018/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ các điều 3, 30, 32, 157, 193, 194 và 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cứ khi nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 10/11/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về qui hoạch sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang X và bà Trần Ngọc T.

Hủy Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 về việc duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà số 62 Đường số 9, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 của Uỷ ban nhân dân Quận 4 về việc duyệt bổ sung chi phí hỗ trợ về đất và vật kiến trúc khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà số 62 Đường số 9, Phường 4, Quận 4 (thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 08) của ông Lê Quang X trong công trình di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng Trường mẫu giáo Phường 4, Quận 4.

Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm tiến hành lại việc bồi thường, hỗ trợ tài sản cho ông X bà T theo đúng qui định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm Ủy ban nhân dân Quận 4 kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu: Chủ tọa phiên tòa và các thành viên hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật của luật tố tụng hành chính.Về nội dung kháng cáo của người bị kiện không có căn cứ chấp nhận, nên đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay người bị kiện kháng cáo, có đơn xin xét xử vắng mặt nên xem như vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng Điều 158 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Việc Toà án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án này là Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 và Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 của UBND Quận 4 là đúng quy định tại Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về thẩm quyền: Theo Điều 32 Luật tố tụng hành chính, người khởi kiện khởi kiện vụ án hành chính đối với các Quyết định trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Ông X và bà T khởi kiện UBND Quận 4, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 và Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 của UBND Quận 4 vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định. Trong quá trình Tòa án nhân dân Quận 4 giải quyết vụ án, UBND Quận 4 ban hành bổ sung Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013, ông X bà T có yêu cầu khởi kiện bổ sung quyết định và được Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của người khởi kiện:

Theo giấy xác nhận số 16/XN-UB ngày 01/4/2010 của UBND phường 4, Quận 4 về việc xác nhận nguồn gốc nhà đất của ông Lê Quang X: *"Phần diện tích đất 89,75m^2 có nguồn gốc là ao cá phường đội được san lấp lấn chiếm sử dụng trước 15/10/1993. Toàn bộ phần diện tích đất 89,75 m^2 đã được thu hồi theo Quyết định số 60/QĐ-UB ngày 17/10/1995".*

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Thửa đất 89,75 m^2 nói trên gồm 2 phần: gồm phần diện tích 65,25 m^2 được sử dụng trước năm 1993 và phần diện tích 24,43m^2 được sử dụng sau năm 1995.

Đối với phần diện tích 65,25 m^2: Theo lời khai nhận của ông Lê Văn Th và lời khai của ông X bà T đều xác định năm 1993 ông Th cho ông X phần đất có diện tích 65,25 m^2 để làm nhà ở, điều này phù hợp với "Tờ đăng ký nhà - đất" năm1999 của ông X được UBND Phường 4 xác nhận ngày 20/8/1999 (ông X có kê khai diện tích khuôn viên nhà đất là 65,25 m^2) và "Giấy xác nhận" số 16/XN-UB ngày 01/4/2010 "Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà và công trình" của UBND Phường 4, Quận 4. Từ những tài liệu và lời khai này có cơ sở xác định ông X bà T đã sử dụng phần đất có diện tích 65,25 m^2 từ trước năm 1993.

Đối với phần đất có diện tích 24,43m^2: Theo Văn bản số 5260/VPĐK-KT ngày 23/4/2012 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố về việc đối chiếu vị trí và cung cấp thông tin theo tài liệu lưu trữ HĐ số 182/XM/2012 và lời thừa nhận của các đương sự thì phần đất này do ông X tự mở rộng và sử dụng sau ngày 15/10/1993.

[2.2] Xét Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 và Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 của UBND Quận 4:

[2.2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định:

Hai Quyết định trên được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền được qui định tại Điều 39 và Điều 44 Luật đất đai năm 2003, Điều 14, Điều 30 và Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 10/11/2009 của Chính phủ qui định bổ sung về qui hoạch sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

[2.2.2] Về nội dung:

[2.2.2.1] Đối với phần đất diện tích 65,25 m^2:

Như đã phân tích ở trên xác định phần diện tích này được ông X, bà T sử dụng trước ngày 15/10/1993. Mặc dù Quyết định số 60/QĐ-UB ngày 17/10/1995 UBND Quận 4 và UBND Phường 4, Quận 4 thu hồi diện tích 357,55m^2 đất do ông Th lấn chiếm trong đó có diện tích ông X đang sử dụng là 65.25m^2 (trong quyết định ghi 53,96m^2) nhưng thực tế UBND Phường 4 không tiến hành đo đạc, cắm mốc để quản lý đất mà gia đình ông X tiếp tục sử dụng đến ngày bị thu hồi. Quá trình sử dụng đất ông X không bị xử lý hành chính vi phạm quy hoạch xây dựng hoặc hành vi lấn chiếm đất đai.

Tại khoản 9, Điều 8, Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất như sau: *"Hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất mà trước đó đã có quyết định quản lý trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước nhưng trong thực tế nhà nước chưa quản lý mà hộ gia đình các nhân đó vẫn sử dụng thì vẫn được bồi thường".*

Đồng thời căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP; khoản 1 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 10/11/2009 của Chính phủ qui định bổ sung về qui hoạch sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; điểm b, d khoản 7 Điều 8 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và điểm a, khoản 6 Điều 2 và điểm a khoản 2 Điều 5 Phương án số 90/PA-UBND ngày 01/10/2010 của UBND Quận 4 thì ông X bà T thuộc diện được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất.

Do đó Quyết định số 3776/QĐ-UBND ngày 02/8/2011 và Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 của UBND Quận 4 xác định ông X bà T không được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất mà chỉ thuộc diện hỗ trợ về đất 30% và hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất 40% là trái quy định của pháp luật.

[2.2.2.2] Đối với phần đất diện tích 24,43 m^2:

Ông X bà T sử dụng sau ngày 15/10/1993 nhưng trước ngày 01/7/2004. Mặc dù UBND Quận 4 có Quyết định 60 để quản lý đất đai nhưng thực tế UBND Quận 4 không tiến hành quản lý mà thực tế gia đình ông X vẫn công khai, liên tục sử dụng, không có tranh tranh chấp, không bị ngăn chặn, hoặc lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính, không thuộc diện quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Do đó, ông X bà T vẫn được bồi thường với diện tích đất này sau khi trừ đi giá trị tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Các Quyết định số 3776/QĐ-UBND ngày 02/8/2011 và Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 của UBND Quận 4 không xem xét bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích này cho ông X bà T là không đúng quy định.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất

quan điểm đại diện Viện kiểm sát cấp cao, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của người bị kiện không được chấp nhận, nên phải chịu án phí theo quy định

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các điều 3, 30, 32, 157, 193, 194 và 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cứ khi nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 10/11/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về qui hoạch sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang X và bà Trần Ngọc T.

Hủy Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 về việc duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà số 62 Đường số 9, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 của Uỷ ban nhân dân Quận 4 về việc duyệt bổ sung chi phí hỗ trợ về đất và vật kiến trúc khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà số 62 Đường số 9, Phường 4, Quận 4 (thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 08) của ông Lê Quang X trong công trình di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng Trường mẫu giáo Phường 4, Quận 4.

Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm tiến hành lại việc bồi thường, hỗ trợ tài sản cho ông X bà T theo đúng qui định pháp luật.

2**.** Về án phí hành chính:

2.1. Về án phí sơ thẩm: Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Ông X bà T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng theo Biên lai số AB/2010/05679 ngày 01/10/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4 và số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng theo Biên lai số AG/2011/07780 ngày 29/5/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

2.2. Về án phí phúc thẩm: Ủy ban nhân dân Quận 4 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ theo biên lai tạm ứng án phí số 0045949 ngày 03/01/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– Các đương sự (2);
– Lưu: hồ sơ (1),VP(5) (15) (MTTT);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên